

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/DS-ST

Ngày: 21/7/2020

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Hữu Tiếp.

+ Bà Cao Thị Sáng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Minh Cảnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang: không tham gia.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng góp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn R, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Huỳnh T, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Phạm L, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã Tân P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn R trình bày:

Năm 2008, bà có làm chủ dây hội 2.000.000 đồng, mỗi năm khai 03 lần. Phạm L tham gia góp hội dây hội do bà làm chủ và đã hốt hội. Phạm L đã hốt hội nhưng không góp lại số tiền hội phải góp. Sau khi dây hội mãn, các bên đối chiếu tất toán nợ thì Phạm L còn nợ lại bà số tiền 90.000.000 đồng và Phạm L có viết biên nhận ngày 20/02/2014 âm lịch thừa nhận số nợ. Bà có đòi nợ nhiều lần thì vợ chồng Phạm L và Huỳnh T có cam kết trả nợ dần hàng tháng 1.500.000 đồng,

nhưng cũng không thực hiện đúng cam kết, chỉ trả được 4 tháng với tổng số tiền 4.000.000 đồng, còn nợ lại 86.000.000 đồng.

Bà yêu cầu Phạm L trả cho bà số tiền nợ 86.000.000 đồng, yêu cầu không tính lãi suất. Bà yêu cầu không buộc Huỳnh T liên đới trả nợ vì tuy Huỳnh T biết sự việc góp hụi và có cam kết trả nợ nhưng bà không có chứng cứ chứng minh.

*** Quá trình tố tụng, bị đơn Phạm L trình bày:**

Bà thừa nhận bà có tham gia góp hụi của dây hụi do bà Nguyễn R làm chủ như bà Nguyễn R đã trình bày. Sau khi đối chiếu nợ hụi, ngày 20/02/2014 (âm lịch) bà có viết biên nhận thừa nhận nợ bà Nguyễn R số tiền 90.000.000 đồng. Tuy nhiên, khoảng 01 năm sau, bà đã thanh toán hoàn tất số nợ 90.000.000 đồng cho bà Nguyễn R. Bà Nguyễn R trình bày cho rằng bà và ông Huỳnh T cam kết trả nợ và có trả 4.000.000 đồng/tháng là không đúng. Bà yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn R.

*** Đối với bị đơn Huỳnh T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

Nguyên đơn Nguyễn R cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ như sau: Bản tự khai ngày 24/02/2020; Biên nhận nợ đề ngày 20/02/2014AL; Giấy CMND của Nguyễn R (bản sao), Sổ hộ khẩu gia đình của Nguyễn R (bản sao). Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Phạm L, Huỳnh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Năm 2008, Phạm L có tham gia góp hụi do bà Nguyễn R làm chủ thảo. Ngày 20/02/2014 (âm lịch), hai bên đối chiếu nợ, bà Phạm L viết biên nhận xác định còn nợ bà Nguyễn R số tiền 90.000.000 đồng. Bà Nguyễn R đòi nợ, bà Phạm L nhiều lần cam kết trả nợ nhưng chỉ trả được 4.000.000 đồng.

Xét thấy, giao dịch góp hụi được xác lập giữa các bên phù hợp quy định tại Điều 479 Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11; việc phía bà Phạm L đã lĩnh hụi nhưng không góp tiền hụi cho bà Nguyễn R là vi phạm thỏa thuận giữa các bên được quy định tại khoản 1 Điều 479 Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11.

Khoản 1 Điều 479 Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 quy định:

“1. Họa, hụi, biếu, phường (sau đây gọi chung là họa) là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp

nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên.”

Như vậy, bà Nguyễn R yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm L có nghĩa vụ trả cho bà số nợ hui 86.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Phạm L thừa nhận nợ bà Nguyễn R số nợ 90.000.000 đồng nhưng cho rằng đã trả xong trong khoảng thời gian 01 năm sau ngày viết biên nhận 20/02/2014 âm lịch. Tuy nhiên, bà Phạm L không đưa ra được chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình là sự thật, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: *“2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.”*. Như vậy, bà Phạm L phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của bà Nguyễn R được Tòa án chấp nhận. Theo điểm b tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016) quy định: *“Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình có giá ngạch từ trên 6.000.000đồng đến 400.000.000đồng mức thu án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp”*, số tiền án phí phải chịu là 4.300.000 đồng (86.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 688 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Điều 298, Điều 479 Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn R. Buộc bà Phạm L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn R số tiền 86.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn R có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm L chậm trả nợ thì hàng tháng còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm L phải chịu 4.300.000 đồng.

Trả lại bà Nguyễn R số tiền 2.250.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (biên lai thu số 0000473 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

3. Bà Nguyễn R có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Phạm L và ông Huỳnh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy